

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/DS-PT

Ngày 12-4-2023

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
(lối đi), yêu cầu chấm dứt hành vi
lấn chiếm lối đi, tháo dỡ trụ bê tông,
trụ gỗ, rào chắn lối đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Ông Bùi Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Song Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2023/TLPT-DS ngày 09/02/2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi, yêu cầu chấm dứt hành vi lấn chiếm lối đi, tháo dỡ trụ bê tông, trụ gỗ, rào chắn lối đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện BU, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1957; địa chỉ: tổ 6, ấp Mỹ Đức, xã BM, huyện BU, tỉnh Bình Dương; ủy quyền cho bà Phạm Đỗ TL, sinh năm 1979; địa chỉ: khu phố Phước Thái, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/3/2023), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: tổ 6, ấp Mỹ Đức, xã BM, huyện BU, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Luật sư Nguyễn VT – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Ngọc Ng, sinh năm 1992; ủy quyền cho bà Lê Thị R, sinh

năm 1967; địa chỉ: tổ 3a, khu phố 2, thị trấn TT, huyện BU, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 27/10/2022), có mặt.

2. Ông Trần Minh T, sinh năm 1986; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Thanh N1, sinh năm 2003; ủy quyền cho ông Nguyễn Phát Lợi, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp Mỹ Đức, xã BM, huyện BU, tỉnh Bình Dương (theo Giấy ủy quyền ngày 28/3/2023); có mặt.

4. Bà Huỳnh Thanh Ph, sinh năm 1988; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 6, ấp Mỹ Đức, xã BM, huyện BU, tỉnh Bình Dương.

5. Bà Trần Thị Thúy H1, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ 5, ấp Mỹ Đức, xã BM, huyện BU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

6. Bà Huỳnh Thị Ng1, sinh năm 1957; có mặt.

7. Ông Nguyễn Văn A1, sinh năm 1985; có mặt.

8. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1995; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

9. Bà Phùng Thị Ph, sinh năm 1988; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

10. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979; có mặt.

11. Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1972; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

12. Cháu Nguyễn Huỳnh Minh T2, sinh năm 2007; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

13. Cháu Nguyễn Huỳnh Minh T3, sinh năm 2007; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

14. Bà Huỳnh Thị Tuyết Nh, sinh năm 1997; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

15. Ông Lê Thanh T4, sinh năm 1993; có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 6, ấp Mỹ Đức, xã BM, huyện BU, tỉnh Bình Dương.

16. Ủy ban nhân dân xã BM, huyện BU, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê DQ– Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

17. Ủy ban nhân dân huyện BU, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái TB– Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/10/2022, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và người đại diện bà Phạm Đỗ TL trình bày:** Khoảng năm 1980, ông M và vợ là bà Ng1 khai phá phần đất có diện tích 3.485,1m² thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 52 tại ấp Mỹ Đức, xã BM, huyện TU (nay là huyện

BU), tỉnh Bình Dương và đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện TU cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số vào sổ CH 01693 ngày 29/01/2015 cho hộ ông Nguyễn Văn M (gọi tắt là GCNQSDĐ 01693). Gia đình ông cất nhà và ở trên đất này từ năm 1980 đến nay. Quá trình sử dụng đất từ năm 1980 đến nay, để đi ra đường BM số 39, gia đình ông M đi bằng lối đi có chiều ngang khoảng 4 mét, chiều dài kéo dài từ thửa đất 09 đến đường BM 39. Lối đi có tứ cận: hướng Bắc giáp thửa đất 09; hướng Nam giáp với đường BM 39; hướng Đông giáp với thửa đất số 10 cấp cho hộ ông Trần Văn Tường; hướng Tây giáp phần còn lại của lối đi. Căn cứ kết quả đo đạc thể hiện tại Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý số 709-2022 ngày 02/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện BU (gọi tắt là Mảnh trích lục số 709), đất là lối đi tranh chấp diện tích 188,5m². Từ năm 2021, sau khi ông Tường chết, bà L là vợ ông Tường cho rằng một phần con đường nêu trên thuộc quyền sử dụng đất (QSDĐ) của bà nên bà cho chôn trụ bê tông và dùng lưới kẽm rào lại một phần lối đi, để lại lối đi còn chiều ngang 02m dẫn đến việc gia đình ông M không thể sử dụng xe tải để vận chuyển hàng hoá, đi lại gặp khó khăn.

Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L chấm dứt hành vi trái pháp luật, dỡ bỏ cọc gỗ, trụ bê tông và hàng rào trên phần đất diện tích 188,5m² của đường đi chung để trả lại hiện trạng ban đầu của đường đi.

Nguyên đơn và người đại diện đã nhận được kết quả đo đạc, định giá, đồng ý với kết quả, không yêu cầu đo đạc lại, đo đạc bổ sung hoặc định giá lại. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là GCNQSDĐ 01693 và GCNQSDĐ số vào sổ 01291QSDĐ/TU ngày 14/7/2000 cấp cho hộ ông Trần Văn Tường (gọi tắt là GCNQSDĐ số 01291).

*** Bị đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:** Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 5 diện tích 4.006m² được UBND huyện TU cấp GCNQSDĐ số 01291. Đất có nguồn gốc của ông bà nội để lại cho vợ chồng bà. Khoảng năm 1986, vợ chồng bà về cất nhà ở trên đất cho đến nay. Ban đầu là dựng nhà tạm, chưa xây rào, đến năm 2007, xây nhà kiên cố và làm hàng rào như hiện nay. Từ năm 1986, bà L đã thấy gia đình ông M ở trên thửa đất liền ranh và đi ra đường công cộng bằng lối đi hiện đang tranh chấp. Tuy nhiên, lối đi này có chiều ngang khoảng 2m. Năm 2007, vợ chồng bà xây hàng rào thụt vào trong thửa đất số 10 để giữ đất, phần đất bên ngoài hàng rào vẫn là đất của vợ chồng bà. Trên đất này, vợ chồng bà trồng 01 hàng tầm vông và chỉ “chừa” 02m ngang để gia đình ông M làm lối đi. Đến năm 2021, bà L dỡ bỏ tầm vông và định rào chắn lại thì gia đình ông M phản đối nên giữa các bên phát sinh tranh chấp. Ngoài lối đi hiện tranh chấp, còn có lối đi phía dưới giáp đất của ông M nhưng gia đình ông không sử dụng mà yêu cầu lấy đất của bà L sử dụng làm lối đi là không đúng. Biên bản hòa giải ngày 05/4/2021 của UBND xã BM, ông M cũng đồng ý thương lượng mua thêm 2m ngang đất để có lối đi chiều ngang 4m với tổng số tiền là 200.000.000 đồng nhưng sau đó ông M đổi ý không thực hiện. Toàn bộ đất tranh chấp là của gia đình bà L cho ông M sử dụng để đi nhờ ra đường công cộng, không phải là lối

đi, do đó, bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Nếu cần đất làm lối đi thì bà chỉ cho đi nhờ qua 2m ngang đất.

Bà L xác định đã nhận được kết quả đo đạc thực tế thể hiện tại Mảnh trích lục số 709 và kết quả định giá. Bà không yêu cầu đo đạc lại, không yêu cầu định giá lại. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đảm bảo đủ diện tích thửa đất số 10 đã cấp cho vợ chồng bà. Bà L không có yêu cầu phản tố.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc Ng và người đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị R trình bày:** Thống nhất với lời trình bày của bị đơn, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thúy H1 trình bày:** Thống nhất với lời trình bày của bị đơn, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thửa đất số 10 là tài sản của ông Tường, bà L, trên đất không có tài sản của bà. Bà không có yêu cầu về việc giải quyết vụ án.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh N1, ông Trần Minh T trình bày:** Thống nhất với lời trình bày của bị đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận ý kiến của bị đơn.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ng1; ông Nguyễn Văn A1, bà Phùng Thị Ph, bà Nguyễn Thị O, bà Nguyễn Thị H1, ông Huỳnh Văn T1, ông Nguyễn Huỳnh Minh T2, ông Nguyễn Huỳnh Minh T3, bà Huỳnh Tuyết Nh, ông Lê Thanh T4 trình bày:** Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu về việc giải quyết vụ án.

*** Tại Công văn số 504/UBND-KT ngày 20/9/2022 của UBND xã BM cung cấp thông tin như sau:** Đất tranh chấp diện tích 188,5m² hiện trạng trên bản đồ địa chính thể hiện là đường đất, do Nhà nước quản lý. Khu đất này trước đây do ông Tường sử dụng và tuyến đường do nhà ông Tường chừa cho ông M đi lại vào đất từ trước năm 2000. Theo kết quả làm việc với một số người lớn tuổi sống gần đất thì đất này được sử dụng làm lối đi có chiều ngang khoảng 2m đến 2,5m đến đất của ông M và sử dụng từ trước năm 2000. Đất này theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 là đất giao thông.

*** Tại Công văn số 3434/UBND-NC ngày 06/10/2022 của UBND huyện BU cung cấp thông tin như sau:** Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01291 cho hộ ông Tường không có đo đạc thực tế, căn cứ theo bản đồ địa chính lập năm 1999, không có ký giáp ranh. Đất diện tích 188,5m² là đường đất thể hiện trên bản đồ địa chính, do UBND xã quản lý. Đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, đất này thuộc quy hoạch đất giao thông.

Tại Bản án số 29/2022/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện BU, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M đối với bị đơn bà Huỳnh Thị L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi, yêu

cầu chấm dứt hành vi lấn chiếm lối đi, tháo dỡ trụ bê tông, trụ gỗ và rào chắn trên lối đi. Bị đơn bà Huỳnh Thị L có nghĩa vụ tháo dỡ 04 (Bốn) trụ bê tông, 02 (Hai) trụ gỗ rào chắn trên đất để trả lại hiện trạng lối đi chung.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2022, bà Huỳnh Thị L là bị đơn có đơn kháng cáo, nội dung cho rằng: Bản án sơ thẩm không đúng pháp luật và yêu cầu xét xử lại phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: theo bản đồ địa chính thì đất tranh chấp là đất trống (không thể hiện lối đi). Địa phương xác định đất tranh chấp do gia đình bị đơn sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét quyền lợi của các thành viên gia đình bị đơn. Thực tế lối đi chỉ có 02m chứ không phải 04m. Bản án sơ thẩm xử không khách quan, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Diện tích đất thực tế bị đơn sử dụng nhiều hơn diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn không có khiếu nại. Qua thu thập chứng cứ thì diện tích đất 188,5m² là đường đất. Bị đơn xây dựng trên đường đất là không đúng. Bản án sơ thẩm xử là có căn cứ. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều chỉnh lại cách tuyên án để phù hợp thi hành án.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Luật sư, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn M (sau đây viết là nguyên đơn) khởi kiện bà Huỳnh Thị L (sau đây viết là bị đơn) yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật, tháo dỡ hàng rào, trụ bê tông trả lại diện tích đất 188,5m² là đường đi chung. Nguyên đơn cho rằng phần đất trên là đường đi chung nhưng bị đơn xây dựng hàng rào, trụ xi măng trên lối đi chung làm cản trở việc đi lại nên nguyên đơn khởi kiện.

[2] Bị đơn khai: Diện tích đất 188,5m² có nguồn gốc của cha mẹ của bị đơn cho bị đơn và chồng là ông Trần Văn Tường (ông Tường chết năm 2018), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/7/2000 cho hộ ông Tường. Phần đất trên không phải đường đi chung và thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chồng của bị đơn. Để tạo điều kiện cho việc đi lại

thuận tiện, trước đây bị đơn có cho nguyên đơn sử dụng lối đi có chiều ngang 02m để đi lại ra đường công cộng nhưng nguyên đơn không đồng ý mà yêu cầu chiều ngang 04m. Do vậy, bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo hồ sơ quản lý đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài liệu chứng cứ thu thập thì hộ nguyên đơn được UBND huyện TU cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/7/2000, diện tích 3.634m² thuộc thửa số 9, tờ bản đồ số 52, tọa lạc tại ấp 2, xã BM, huyện BU. Nguồn gốc đất khai hoang năm 1990 và UBND huyện BU cấp lại đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ nguyên đơn ngày 29/01/2015 diện tích 3.485,1m² thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 52. Tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 14/7/2000 và cấp lại đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/01/2015 cho hộ nguyên đơn đều thể hiện vị trí hướng nam của thửa đất số 9 tiếp giáp thửa số 10 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn Tường (chồng của bị đơn) và tiếp giáp đường đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 14/7/2000 cho hộ ông Trần Văn Tường, diện tích 4.006m² thuộc thửa số 10, tờ bản đồ số 52 (nguồn gốc đất khai hoang năm 1985) thể hiện vị trí hướng Tây của thửa số 10 tiếp giáp đường đất và hướng bắc tiếp giáp thửa số 9 (đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn). Qua thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc tại mảnh trích lục địa chính ngày 02/8/2022 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện BU thực hiện xác định: Diện tích đất tranh chấp 188,5m² đường đất (có vị trí hướng Bắc, giáp thửa số 9, hướng nam giáp đường BM 39, hướng đông giáp thửa số 10) trên bản đồ địa chính là đường đất. Tại Công văn số 3434/UBND-NC ngày 06/10/2022 của UBND huyện BU và Công văn số 504/UBND-KT ngày 20/9/2022 UBND xã BM xác định: Phần diện tích 188,5m² đất tranh chấp là đường đất được thể hiện trên bản đồ địa chính và đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 thuộc quy hoạch đất giao thông (DGT).

[4] Như vậy có căn cứ xác định: Phần đất tranh chấp diện tích 188,5m² là đường đi do nhà nước quản lý, không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Trần Văn Tường. Việc bị đơn xây dựng hàng rào, trụ bê tông trên đường đất và ngăn cản nguyên đơn đi lại là không đúng pháp luật. Bị đơn phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và tháo dỡ hàng rào, di dời cây trồng trên đất để trả lại đường đi chung (khoản 1, khoản 10 Điều 12 Luật Đất đai quy định: những hành vi bị nghiêm cấm: lấn chiếm đất đai, cản trở gây khó khăn đối với việc thực hiện quyền của người sử dụng đất và các Điều: 164, 169, 175; khoản 1 Điều 176 Bộ luật Dân sự về mốc giới ngăn cách các bất động sản quy định: chủ sở hữu bất động sản chỉ được dựng cột mốc, hàng rào, trồng cây... trên phần đất thuộc quyền sử dụng của mình. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào, trụ bê tông trả lại lối đi chung là có căn cứ, đúng pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của bị đơn và ý kiến của Luật sư là không có cơ sở. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu, bị đơn

phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 164, 169, 175, 176 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 1, khoản 10 Điều 12; khoản 7 Điều 166 Luật Đất đai
- Căn cứ các Điều: 147; 148; 157; 165; khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,
- Căn cứ các Điều: 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị L. Giữ nguyên Bản án số 29/2022/DS-ST ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện BU như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M đối với bà Huỳnh Thị L về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi) và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật. Buộc bà Huỳnh Thị L phải tháo dỡ hàng rào, trụ bê tông, trụ gỗ, di dời cây trồng trên phần đất diện tích 188,5m² tọa lạc tại xã BM, huyện BU, tỉnh Bình Dương để trả lại hiện trạng đường đi chung diện tích 188,5m² và buộc bà Huỳnh Thị L phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với ông Nguyễn Văn M trong việc đi lại trên đường đi chung diện tích đất 188,5m² (có sơ đồ kèm theo).

2. Về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản:

- Án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng.
- Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị L phải chịu 300.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010171 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BU, tỉnh Bình Dương.
- Chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Bà Huỳnh Thị L phải chịu và nộp 7.790.000 để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn M.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện BU;
- Chi cục THADS huyện BU;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung